

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2019/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Dự thảo
Tháng 6/2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án về tăng cường hệ thống hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) cho sản phẩm, hàng hóa công nghiệp giai đoạn 2019-2020, xét đến năm 2025 nhằm đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp trong nước theo Quyết định số 598/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018-2020, xét đến năm 2025

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 9 tháng 6 năm 2014 phê duyệt chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 598/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018-2020, xét đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 6 tháng 7 năm 2018 quyết định ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

Thủ tướng Chính phủ

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Đề án về tăng cường hệ thống hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) cho sản phẩm, hàng hoá công nghiệp giai đoạn 2019-2020, xét đến năm 2025 nhằm đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp trong nước theo Quyết định số 598/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2018-2020, xét đến năm 2025” (sau đây viết tắt là “Đề án”) với nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC:

1. Phù hợp với các cam kết quốc tế về TBT mà Việt Nam là thành viên trên cơ sở đảm bảo các mục tiêu hợp pháp được phép của Việt Nam theo các cam kết này như an toàn cho người, động vật, thực vật, bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh quốc gia, ngăn ngừa hành vi gian lận...; chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các định hướng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp trong nước.

2. Xây dựng, ban hành các quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp TBT phù hợp với từng giai đoạn của Đề án, cụ thể như sau:

- Giai đoạn 2019-2020 ưu tiên xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung của Đề án và xây dựng, ban hành các quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp TBT áp dụng đối với các sản phẩm, hàng hoá trong nhóm ngành sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc Ngành chế biến, chế tạo phù hợp với yêu cầu của Quyết định 598/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc giai đoạn đến 2020 nhóm mặt hàng này đạt từ 85-90% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế liên quan và tuân thủ các quy định, cam kết quốc tế về TBT mà Việt Nam là thành viên trên cơ sở đảm bảo các mục tiêu hợp pháp được phép của Việt Nam theo các cam kết này.

- Giai đoạn 2020-2025 hoàn thiện, xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp TBT áp dụng đối với các sản phẩm, hàng hoá trong các nhóm ngành còn lại của Ngành chế biến chế tạo và Ngành năng lượng mới và năng lượng tái tạo.

3. Cập nhật và đáp ứng các cam kết về TBT trong các Hiệp định thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và các Hiệp định khác có hiệu lực trong giai đoạn thực hiện Đề án...

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

a) Góp phần thực hiện chính sách cơ cấu lại ngành công nghiệp.

b) Tăng cường hệ thống TBT bao gồm quy chuẩn kỹ thuật, các thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan đến biện pháp TBT định nghĩa theo Thông tư 16/2017/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ và phân nhóm ngành theo Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09/06/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/07/2018 ban hành hệ thống

ngành kinh tế Việt Nam. Cụ thể, đối với sản phẩm, hàng hoá trong Ngành chế biến, chế tạo bao gồm các nhóm: Sản xuất, chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống; Sản xuất sản phẩm thuốc lá; Dệt; Sản xuất trang phục; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế), sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; Sản xuất than cốc, dầu mỏ tinh chế; Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất; Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; Sản xuất kim loại; Sản xuất kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất thiết bị điện; Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu; Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất phương tiện vận tải khác; Sản xuất giường tủ, bàn, ghế; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác; và:

Ngành năng lượng mới và năng lượng tái tạo (năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng mới) và tài nguyên, khoáng sản (dầu, khí và một số khoáng sản khác như alumin, limonit, manhetit, boxit, titan...) phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và tuân thủ các quy định và cam kết quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên trên cơ sở đảm bảo các mục tiêu hợp pháp được phép của Việt Nam và đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp trong nước trong giai đoạn 2019-2025.

c) Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp đối với các quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan đến biện pháp TBT cho sản phẩm hàng hoá công nghiệp trong Ngành chế biến, chế tạo; và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo của Việt Nam và nước ngoài.

d) Đảm bảo công khai, minh bạch việc xây dựng, ban hành và áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan đến biện pháp TBT đối với sản phẩm, hàng hoá công nghiệp trong các Ngành chế biến, chế tạo; và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo của Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn 2019-2020:

- Hoàn thành công tác rà soát, đánh giá hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan đến biện pháp TBT đối với sản phẩm, hàng hoá trong nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc Ngành chế biến chế tạo.

- Xây dựng, ban hành và hoàn thiện hệ thống các quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan đến biện pháp TBT cho sản

phẩm hàng hoá trong nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc Ngành chế biến chế tạo phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và tuân thủ các quy định, cam kết quốc tế về TBT mà Việt Nam là thành viên trên cơ sở đảm bảo các mục tiêu hợp pháp được phép của Việt Nam theo các cam kết này.

- Tối thiểu 50% doanh nghiệp trong các lĩnh vực chế biến – chế tạo được tuyên truyền, phổ biến về các quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan đến biện pháp TBT trong nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc ngành chế biến chế tạo của Việt Nam và nước ngoài.

- Các Bộ, ngành và địa phương đảm bảo nghĩa vụ minh bạch hoá đối với các quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan đến biện pháp TBT cho các sản phẩm hàng hoá trong nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc ngành chế biến chế tạo.

b) Giai đoạn 2020-2025

- Rà soát, đánh giá và hoàn thiện cơ bản hệ thống các quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan đến biện pháp TBT cho các sản phẩm, hàng hoá công nghiệp thuộc các Ngành chế biến chế tạo (các nhóm trừ nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo).

- 100% quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan đến biện pháp TBT cho sản phẩm, hàng hoá công nghiệp thuộc các Ngành chế biến chế tạo (các nhóm trừ nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm) và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo được xây dựng, ban hành trong giai đoạn này căn cứ trên tiêu chuẩn quốc tế liên quan hiện hành trừ trường hợp các tiêu chuẩn đó không phù hợp với đặc điểm địa lý, khí hậu, kỹ thuật, công nghệ Việt Nam hoặc ảnh hưởng tới lợi ích quốc gia.

- Tối thiểu 80% doanh nghiệp và 100% hiệp hội liên quan được tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn về các quy chuẩn kỹ thuật, các thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan đến biện pháp TBT cho các sản phẩm, hàng hoá công nghiệp thuộc các Ngành chế biến chế tạo (các nhóm trừ nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm) và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo của Việt Nam và nước ngoài.

- Các Bộ, ngành và địa phương đảm bảo nghĩa vụ minh bạch hoá quá trình xây dựng, ban hành và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan đến biện pháp TBT cho sản phẩm, hàng hoá công nghiệp thuộc Ngành chế biến chế tạo (các nhóm trừ nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm) và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Rà soát, xây dựng và hoàn thiện quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp về TBT đối với sản phẩm, hàng hoá trong nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc Ngành chế biến chế tạo (giai đoạn 2019-2020) và sản phẩm, hàng hoá công nghiệp thuộc các Ngành chế biến chế tạo (các nhóm trừ nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm) và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo (giai đoạn 2020-2025) phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và tuân thủ các quy định, cam kết quốc tế về TBT mà Việt Nam là thành viên trên cơ sở đảm bảo các mục tiêu hợp pháp được phép của Việt Nam theo các cam kết này và đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp trong nước, bao gồm:

a) Rà soát, đánh giá hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp TBT hiện hành và với các cam kết về TBT trong các Hiệp định thương mại khu vực mà Việt Nam là thành viên.

b) Nghiên cứu tiêu chuẩn quốc tế, quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp nước ngoài để đề xuất xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp TBT của Việt Nam.

c) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp TBT đảm bảo tính thống nhất trong quản lý nhà nước của toàn bộ hệ thống này.

d) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm.

2. Nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức liên quan cụ thể:

a) Ban hành tài liệu hướng dẫn đánh giá tác động quản lý của các quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp TBT đối với sản phẩm, hàng hoá công nghiệp trong nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc Ngành chế biến chế tạo (giai đoạn 2019-2020) và sản phẩm, hàng hoá công nghiệp thuộc các Ngành chế biến chế tạo (các nhóm trừ nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm) và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo (giai đoạn 2020-2025).

b) Hỗ trợ, hướng dẫn các Bộ ngành và địa phương trong việc xây dựng, ban hành và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp TBT đối với sản phẩm hàng hoá công nghiệp trong

nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc Ngành chế biến chế tạo (giai đoạn 2019-2020) và sản phẩm, hàng hoá công nghiệp thuộc các Ngành chế biến chế tạo (các nhóm trừ nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm) và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo (giai đoạn 2020-2025) phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế liên quan, tuân thủ quy định, cam kết quốc tế về TBT trên cơ sở đáp ứng các mục tiêu hợp pháp của Việt Nam và đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp trong nước.

c) Tăng cường tập huấn, cung cấp thông tin cho Ban liên ngành và Mạng lưới TBT Việt Nam về các sản phẩm hàng hoá công nghiệp trong các Ngành chế biến chế tạo và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo theo hướng nâng cao tính chuyên nghiệp về chuyên môn nghiệp vụ trong thực thi nghĩa vụ công khai minh bạch về TBT, xử lý ý kiến góp ý, quan ngại thương mại và tranh chấp liên quan tới TBT.

3. Thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế trong xây dựng, ban hành và áp dụng các biện pháp kỹ thuật về TBT:

a) Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan của các thành viên đã ký kết các cam kết TBT trong các điều ước quốc tế song phương và đa phương với Việt Nam như CPTPP, EVFTA, RCEP, Nhật Bản... để tăng cường hiểu biết lẫn nhau, thừa nhận lẫn nhau đối với quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp TBT cho các sản phẩm, hàng hoá công nghiệp trong các Ngành chế biến chế tạo và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

b) Tổ chức các hội thảo quốc tế về hàng rào kỹ thuật tại Việt Nam đối với sản phẩm, hàng hoá trong các Ngành chế biến chế tạo và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo với sự tham gia của các Bộ, cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp liên quan.

4. Nâng cao hiệu quả hoạt động phổ biến, tuyên truyền về các quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp TBT đối với sản phẩm, hàng hoá trong nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc Ngành chế biến chế tạo (giai đoạn 2019-2020) và sản phẩm, hàng hoá công nghiệp thuộc các Ngành chế biến chế tạo (các nhóm trừ nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm) và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo (giai đoạn 2020-2025) của Việt Nam và nước ngoài như sau:

a) Tăng cường các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về TBT thông qua hình thức, phương thức đa dạng, linh hoạt nhằm nâng cao nhận thức về hàng rào kỹ thuật đối với các sản phẩm này.

b) Cải tiến công thông tin tuyên truyền phổ biến về TBT để tăng cường phục vụ các hoạt động tuyên truyền, phổ biến liên quan.

c) Ban hành tài liệu tuyên truyền phổ biến và hướng dẫn áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp TBT của Việt Nam và nước ngoài cho doanh nghiệp, hiệp hội và các cơ quan, tổ chức liên quan trong nước.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện đề án được bảo đảm từ các nguồn: vốn ngân sách nhà nước, vốn tài trợ quốc tế và trong nước, vốn doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng là cơ quan thường trực giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc tổ chức thực hiện Đề án; hướng dẫn đôn đốc các Bộ và địa phương xây dựng Chương trình hành động triển khai Đề án trên cơ sở các mục tiêu và nhiệm vụ của Đề án này.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan xây dựng, hướng dẫn áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp TBT liên quan theo hướng phù hợp với cam kết quốc tế về TBT trên cơ sở đảm bảo các mục tiêu hợp pháp được phép của Việt Nam theo các cam kết này và đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp trong nước.

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành liên quan đảm bảo nghĩa vụ minh bạch hoá theo các cam kết quốc tế về TBT cho các sản phẩm hàng hoá công nghiệp trong các Ngành chế biến chế tạo và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo; đảm bảo chất lượng hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của Ban liên ngành và Mạng lưới TBT Việt Nam.

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan tuyên truyền, phổ biến về các quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp TBT cho sản phẩm, hàng hoá công nghiệp trong các Ngành chế biến chế tạo và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo quy định trong Quyết định này.

đ) Hướng dẫn, kiểm tra, tổng kết tình hình thực hiện Đề án;

e) Chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình triển khai Đề án.

2. Các Bộ, cơ quan liên quan:

a) Xây dựng Chương trình hành động triển khai Đề án.

b) Thực hiện rà soát các quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp TBT trong nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc Ngành chế biến chế tạo (giai đoạn 2019-2020) và sản phẩm, hàng hoá công nghiệp thuộc các Ngành chế biến chế tạo (các nhóm trừ nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm) và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo (giai đoạn 2020-2025) thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ và thông tin cho Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả rà soát.

c) Chủ trì xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp TBT trong nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc Ngành chế biến chế tạo (giai đoạn 2019-2020) và sản phẩm, hàng hoá công nghiệp thuộc các Ngành chế biến chế tạo (các nhóm trừ nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm) và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo (giai đoạn 2020-2025) thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ.

d) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ phổ biến và hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp TBT đối với sản phẩm, hàng hoá công nghiệp trong nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc Ngành chế biến chế tạo (giai đoạn 2019-2020) và sản phẩm, hàng hoá công nghiệp thuộc các Ngành chế biến chế tạo (các nhóm trừ nhóm sản xuất, chế biến thực phẩm) và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo (giai đoạn 2020-2025).

đ) Tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án đến các doanh nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để tham gia thực hiện.

e) Bộ Tài chính xem xét các nguồn tài chính bảo đảm cho Đề án được thực thi theo đúng mục tiêu và nhiệm vụ đề ra.

g) Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Bộ ngành liên quan xác định và phân bổ nguồn tài chính trong nước và điều phối các nguồn tài trợ nước ngoài để thúc đẩy triển khai Đề án.

3. Các địa phương:

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo đơn vị chức năng trực thuộc xây dựng, triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn theo đúng yêu cầu và tiến độ đề ra.

4. Các Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan, Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam tích cực tham gia đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng, ban hành và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan đến biện pháp TBT cho sản phẩm, hàng hoá Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo và phản ánh các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực thi các biện pháp TBT liên quan của Việt Nam và nước ngoài.

5. Trong quá trình thực hiện Đề án, nếu có vướng mắc, các Bộ, ngành và địa phương chủ động bàn bạc với Bộ Khoa học và Công nghệ để tìm biện pháp khắc phục; trong trường hợp có ý kiến thống nhất, phải kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .../.../2019.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).KN

THỦ TƯỚNG

Phụ lục

Các sản phẩm, hàng hóa công nghiệp xem xét xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp và các văn bản liên quan tới biện pháp TBT trong giai đoạn 2019-2020, xét đến năm 2025 nhằm đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp trong nước

(ban hành kèm theo Quyết định số .../2019/QĐ-TTg ngày...tháng...năm 2019)

TT	Sản phẩm	Hình thức quản lý	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
Giai đoạn 2019-2020				
I	Ngành chế biến chế tạo	Quy chuẩn kỹ thuật; Chứng nhận hệ thống quản lý, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, dán nhãn, dán nhãn năng lượng...		
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm			
1.1	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Y tế	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
1.2	Chế biến và bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
1.3	Chế biến và bảo quản rau quả		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
1.4	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật		Bộ Công thương, Bộ Y tế	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
1.5	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa		Bộ Công Thương, Bộ Y tế	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp

				liên quan
1.6	Xay sát và sản xuất bột		Bộ Công Thương, Bộ Y tế	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
1.7	Sản xuất thực phẩm khác		Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan

Giai đoạn 2020-2025

I	Ngành chế biến chế tạo	Quy chuẩn kỹ thuật; Chứng nhận hệ thống quản lý, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, dán nhãn, dán nhãn năng lượng...		
1	Sản xuất đồ uống		Bộ Công Thương, Bộ Y tế	
2	Sản xuất sản phẩm thuốc lá		Bộ Y tế	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
3	Sản xuất trang phục		Bộ Công Thương	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
4	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan		Bộ Công Thương	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
5	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường tủ, bàn, ghế); sản xuất từ rơm, rạ và vật liệu tét bện		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan

6	Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy		Bộ Công Thương	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
7	Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế		Bộ Công Thương	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
8	Sản xuất hoá chất và các sản phẩm hoá chất		Bộ Công Thương	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
9	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu		Bộ Y tế	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
10	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic		Bộ Công Thương	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
11	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác		Bộ Công Thương Bộ Xây dựng	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
12	Sản xuất kim loại (đặc biệt các loại thép có công nghệ thân thiện với môi trường như thép tấm cán nóng và các loại thép hợp kim phục vụ ngành cơ khí chế tạo)		Bộ Công Thương	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
13	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)		Bộ Công Thương	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan

14	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học		Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
15	Sản xuất thiết bị điện		Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
16	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu		Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
17	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác		Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
18	Sản xuất phương tiện vận tải khác (đặc biệt đóng tàu biển)		Bộ Giao thông vận tải	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
19	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
20	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác		Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
II	Ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo	Quy chuẩn kỹ thuật; Chứng nhận hệ thống quản lý, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy...		
1	Năng lượng sạch		Bộ Công Thương	Các Bộ ngành, Hiệp hội,

				doanh nghiệp liên quan
2	Năng lượng tái tạo		Bộ Công Thương	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
3	Năng lượng mới		Bộ Công Thương	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan
4	Tài nguyên khoáng sản (dầu, khí và một số khoáng sản khác như alumin, limonit, manhetit, boxit, titan...)		Bộ Tài nguyên và môi trường	Các Bộ ngành, Hiệp hội, doanh nghiệp liên quan

